

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 75/2026/HS-ST
Ngày: 03-02-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam.

2/ Bà Phan Ngọc Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Trung Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1299/2025/TLST-HS ngày 18/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2026/QĐXXST-HS ngày 15/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn K; giới tính: Nam; sinh ngày 17/7/1989, tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); nơi thường trú: Xóm A, thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình); chỗ ở trước khi bị bắt: D P, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 2015 và con nhỏ, sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/01/2025 đến nay tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn K:** Ông Nguyễn Đình T1, Luật sư thuộc Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Thế B; giới tính: Nam; sinh ngày 07/6/1994, tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên); nơi thường trú: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã H, tỉnh Hưng Yên); chỗ ở hiện nay: 2665/27/54 đường S, phường T, Quận A (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự

do; con ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 và có 01 người con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Văn T4; giới tính: Nam; sinh ngày 02/9/2000, tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông (Không rõ) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978; bị cáo là con duy nhất, có vợ tên Dương Thị H, sinh năm 2001 và có 01 người con, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Đoàn Phú N1, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: A, ấp T, đường T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Ngọc Gia Cát T5, sinh năm 1998.

Nơi thường trú: E H, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn T6, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: A H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Nguyễn Chí L, sinh năm 1994.

Nơi thường trú: Số I Đường D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

5. Trần Trung H1, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: 702/70 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

6. Mai Thị L1, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: 74/3/2 Q, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

7. Hoàng Nguyễn Thanh T7, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: 1 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

8. Lê Thị Kim H2, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: 5 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

9. Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: D P, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, Vũ Văn K sử dụng tài khoản Zalo mang tên “Mr Khang” và “Hoàng Khánh” đăng lên các trang mạng xã hội tìm người vay tiền để cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính. Quá trình cho vay, K thuê Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 với nhiệm vụ là cùng K đi kiểm tra nơi ở, giấy tờ cá nhân, nhắc nợ và trả lại giấy tờ của người vay khi họ vay tất toán khoản vay và được K trả lương. Về hình thức vay và lãi suất như sau:

- **Vay trả góp:** Khánh cho vay với lãi suất vay 01%/ngày (tương đương 30%/tháng; tương đương 365%/năm) thời hạn trả góp là 25 ngày. Tiền phí dịch vụ là 07% đối với lần vay đầu tiên, từ lần vay thứ 2 là 05%. Khi cho vay, K thu trước tiền phí dịch vụ, thu trước 02 ngày tiền trả góp và trừ trực tiếp vào khoản tiền vay. Khi người vay không có điều kiện để trả tiền góp thì K cho vay thêm 01 khoản vay mới, với mục đích để người vay lấy tiền của lần vay sau tất toán cho khoản vay trước và nhận thêm tiền để sử dụng.

- **Vay đúng:** K cho vay với lãi suất từ 01%/ngày đối với tổng số tiền cho vay (tương đương 30%/tháng; tương đương 365%/năm). Tiền phí dịch vụ là 07%/tổng số tiền vay. Khi cho vay, các bị cáo thu trước tiền phí dịch vụ, thu trước 10 ngày tiền lãi suất, rồi trừ trực tiếp vào khoản tiền vay, khi người vay trả đủ tiền lãi và trả hết tiền gốc trong 01 lần thì tất toán khoản vay.

Vũ Văn K và đồng phạm đã cho 08 người vay, cụ thể như sau:

1. **Anh** Huỳnh Đoàn Phú N1 (sinh năm 1985, nơi thường trú: A, ấp T, đường T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh): Thông qua mạng xã hội, anh N1 liên hệ với K để vay tiền. Ngày 16/10/2023, K, B và T4 đến nơi ở của anh N1 tại địa chỉ G X, xã X, huyện H để kiểm tra giấy tờ tùy thân, thỏa thuận lãi suất cho vay và cho anh N1 vay số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức tiền góp, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 25.000.000 đồng, khoản vay đầu tính phí 07% tương ứng 3.400.000 đồng. Từ ngày 16/10/2023 đến ngày 02/11/2023, K đã cho anh N1 vay 03 khoản vay 20.000.000 đồng với hình thức nêu trên, trong đó 02 khoản vay đã tất toán, 01 khoản vay đóng gốc và lãi số tiền 14.650.000 đồng chưa tất toán. Khoản vay đầu phí dịch vụ 7%, 02 khoản vay sau phí dịch vụ 5%.

Đối với 02 khoản vay 20.000.000 đồng đã tất toán, K đã thu tổng số tiền lãi 5.000.000 đồng $\times 2 = 10.000.000$ đồng, tiền lãi hợp pháp 277.778 đồng $\times 2 = 555.556$ đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 9.444.444 đồng, tiền phí dịch vụ 2.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 11.844.444 đồng.

Khoản vay góp 20.000.000 đồng đáo hạn lần thứ 03, K đã thu gốc và lãi số tiền 14.650.000 đồng (tiền lãi là 2.930.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 162.778 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 2.767.222 đồng), phí dịch vụ 1.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.767.222 đồng.

Tổng số tiền lãi đã thu của 03 khoản vay trên là 12.930.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 718.333 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 12.211.667 đồng, tiền phí dịch vụ là 3.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **15.611.667 đồng**.

Ngày 20/10/2023, K cho anh N1 vay số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức vay đứng, lãi suất 01%/ngày tương ứng số tiền 200.000 đồng, 10 ngày đóng tiền 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng (thu trước 10 ngày lãi và trừ 07% phí hồ sơ tương ứng 1.400.000 đồng), anh N1 thực nhận số tiền 16.600.000 đồng. Khoản vay này, anh N1 đóng lãi cho K 30 ngày tương ứng số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ gốc 20.000.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp là 333.333 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 5.666.667 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **7.066.667 đồng**.

Tổng số tiền K, B và T4 thu lợi bất chính của 04 khoản vay trên là **22.678.334 đồng**. Anh N1 yêu cầu căn trừ số tiền anh N1 còn nợ là 20.000.000 đồng vào số tiền K thu lợi bất chính từ anh N1.

2. Anh Nguyễn Ngọc Gia Cát T5 (sinh năm 1998; nơi thường trú: E H, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh): Thông qua mạng xã hội, anh T5 liên hệ với K để vay tiền. K đi cùng với B và T4 đến phòng trọ của anh T5 tại địa chỉ B đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra giấy tờ tùy thân của anh T5, thỏa thuận lãi suất cho vay góp và vay đứng là 01%/ngày và cho anh T5 vay các khoản vay như sau:

Lần 1: Ngày 20/9/2023 đến ngày 22/11/2023, K cho T5 vay 03 khoản vay 7.000.000 đồng bằng hình thức trả góp, mỗi ngày góp 350.000 đồng trong vòng 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 8.750.000 đồng. Khoản vay đầu thu trước 02 ngày và phí hồ sơ lần đầu 10%, thực chuyển cho T5 số tiền 5.600.000 đồng; 02 khoản vay với hình thức như khoản vay 1 nhưng thu phí dịch vụ 05%. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.750.000 đồng $\times 3 = 5.250.000$ đồng, tiền lãi hợp pháp là 97.222 đồng $\times 3 = 291.667$ đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 1.652.778 đồng $\times 3 = 4.958.333$ đồng, tiền phí dịch vụ là 1.400.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **6.358.333 đồng**. Các khoản vay này đã tất toán.

Lần 2: Ngày 22/11/2023, K cho anh T5 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng trong vòng 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 6.250.000 đồng (thu trước 02 ngày số tiền 500.000 đồng và phí hồ sơ là 05% số tiền 250.000 đồng). Khoản vay đã tất toán. Số tiền lãi đã thu là 1.250.000

đồng, tiền lãi hợp pháp là 69.444 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 1.180.556 đồng, tiền phí dịch vụ là 250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **1.430.556 đồng**.

Lần 3: Ngày 09/12/2023, K cho T5 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng trong vòng 21 ngày (thu trước 02 ngày số tiền 600.000 đồng, phí 400.000 đồng). K thực chuyển cho T5 4.000.000 đồng. Đến ngày 09/01/2024, T5 tắt toán khoản vay. Số tiền lãi đã thu 1.300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 58.333 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 1.241.667 đồng, tiền phí dịch vụ là 400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **1.641.667 đồng**.

Lần 4: Ngày 07/3/2024, K cho T5 vay 7.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, mỗi ngày góp 350.000 đồng trong vòng 25 ngày (thu trước 02 ngày số tiền 700.000 đồng, phí 350.000 đồng). K thực chuyển cho T5 5.950.000 đồng. Đến ngày 20/3/2024, T5 còn thiếu 11 ngày tương ứng số tiền 3.850.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.750.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 97.222 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 1.652.778 đồng, tiền phí dịch vụ là 350.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **2.002.778 đồng**.

Lần 5: Ngày 20/3/2024, K cho anh T5 vay 7.000.000 đồng để đáo hạn lần vay thứ 4, lãi suất 01%/ngày, mỗi ngày góp 350.000 đồng, trong vòng 25 ngày (thu trước 02 ngày số tiền 700.000 đồng, phí 350.000 đồng), trừ 11 ngày còn thiếu, K thực chuyển 2.100.000 đồng. Đến ngày 28/03/2024, đóng được 10 ngày tương ứng 3.500.000 đồng, còn thiếu 15 ngày tương ứng số tiền 5.250.000 đồng thì xin chuyển sang đóng tiền đứng. Tổng số tiền lãi đã thu 700.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 38.889 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 661.111 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **1.011.111 đồng**.

Lần 06: Ngày 28/3/2024, K chuyển khoản nợ 5.250.000 đồng nêu trên thành tiền tiền đứng, thu lãi mỗi ngày 50.000 đồng (lãi suất 01%/ngày). Từ ngày 28/03/2024 đến ngày 20/08/2024, đã đóng lãi 145 ngày tương ứng số tiền 7.250.000 đồng. Khoản vay đã tắt toán. Số tiền lãi đã thu là 7.250.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 422.917 đồng, thu lợi bất chính là **6.827.083 đồng**.

Tổng số tiền lãi đã thu là 17.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 978.472 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 16.521.528 đồng, tiền phí dịch vụ là 2.750.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **19.271.528 đồng**.

Quá trình cho anh T5 vay tiền, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 là người tham gia cùng K thẩm định cho vay, kiểm tra giấy tờ, biết rõ lãi suất cho vay. Các lần vay này, B được giao quản lý, chịu trách nhiệm xuyên suốt quá trình cho vay, nhận tiền lãi và chuyển lại cho K. Còn T4 tham gia thẩm định, duyệt cho anh T5 vay và được K trả lương trong thời gian từ đầu năm 2023 đến tháng 02 năm 2024 thì T4 nghỉ không làm cho K. Do vậy, T4 đồng phạm với K đối với các khoản vay lần 1,2, 3 để thu lợi bất chính là **9.430.556 đồng**.

3. Anh Nguyễn T6 (sinh năm 1985; nơi thường trú: A H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh): Ngày 06/12/2022, K cho anh T6 vay số tiền 15.000.000 đồng,

lãi suất 01%/ngày, hình thức vay tiền góp mỗi ngày 750.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 18.750.000 đồng, thu phí dịch vụ 10% tương ứng 1.500.000 đồng và thu trước 02 ngày, thực tế giao tiền cho anh T6 là 12.000.000 đồng. Từ ngày 06/12/2022 đến ngày 02/3/2023, K đã cho anh T6 vay và đáo hạn 08 khoản vay 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 30.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.666.667 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 28.333.333 đồng, tiền phí dịch vụ là 6.750.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **35.083.333 đồng**.

Từ ngày 18/3/2023 đến 18/4/2023, K cho anh T6 vay 02 khoản vay 10.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, mỗi khoản vay đóng tiền góp mỗi ngày 500.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 12.500.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 277.778 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 4.722.222 đồng, tiền phí dịch vụ 1.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **5.722.222 đồng**. Anh T8 đã tất toán 02 khoản vay này.

Tổng số tiền lãi K đã thu các lần cho vay là 35.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 1.944.444 đồng, tiền lãi trái phép là 33.055.556 đồng, tiền phí dịch vụ là 7.750.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **40.805.556 đồng**.

4. Anh Nguyễn Chí L (sinh năm 1994; nơi thường trú: Số I Đường D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh): K cho anh L vay 06 dây, mỗi dây vay nhiều khoản. Trong đó có 04 dây, số tiền mỗi khoản vay là 50.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, hình thức trả góp, thời hạn góp 25 ngày, mỗi ngày góp 2.500.000 đồng và mỗi lần có tính phí vay từ 05% (lần đầu tiên là 10%, các lần sau là 05%); 01 dây vay với 01 khoản vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn góp 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng và tiền phí là 05%; 01 dây vay nhiều khoản với số tiền mỗi khoản 100.000.000 đồng, thời hạn góp 25 ngày, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng và tiền phí là 05%, cụ thể như sau:

Dây vay thứ 1: Từ ngày 29/8/2023, K đã cho anh L vay 50.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, bằng hình thức trả góp mỗi ngày 2.500.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 62.500.000 đồng, lần đầu tính phí 10% tương ứng 5.000.000 đồng, với hình thức trên, từ ngày 29/8/2023 đến ngày 06/7/2024, K đã cho vay và đáo hạn 25 khoản vay 50.000.000 đồng, khoản vay đầu tiên thu phí 10%, 24 khoản vay đáo hạn sau thu phí 05%. Các khoản vay này anh L đã tất toán. Tổng số tiền lãi đã thu là 312.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 17.361.111 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 295.138.889 đồng, tiền phí dịch vụ là 65.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **360.138.889 đồng**.

Dây vay thứ 2: Ngày 26/10/2023, K đã cho L vay 50.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, bằng hình thức trả góp mỗi ngày 2.500.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 62.500.000 đồng, phí dịch vụ 05% tương ứng 2.500.000 đồng, với hình thức trên, từ ngày 26/10/2023 đến ngày 21/7/2024, K đã cho vay và đáo hạn 22 khoản vay 50.000.000 đồng, mỗi khoản vay có phí dịch vụ 05%. Các khoản vay đã tất toán, thành tổng số tiền lãi đã thu là 275.000.000

đồng, tiền lãi hợp pháp là 15.277.778, tiền lãi bất hợp pháp là 259.722.222 đồng, tiền phí dịch vụ là 55.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **314.722.222 đồng**.

Dây vay thứ 3: Ngày 12/6/2024, K cho anh L vay số tiền 20.000.000 đồng lãi suất 01%/ngày, hình thức vay góp, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 25.000.000 đồng, phí dịch vụ 05% tương ứng số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 277.778 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 4.722.222 đồng, tiền phí dịch vụ 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **5.722.222 đồng**.

Dây vay thứ 4: Ngày 31/7/2024, K đã cho anh L vay 50.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, bằng hình thức trả góp mỗi ngày 2.500.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 62.500.000 đồng, phí dịch vụ 05% tương ứng 2.500.000 đồng, với hình thức vay trên từ ngày 31/7/2024 đến ngày 14/10/2024, K đã cho anh L vay và đáo hạn 05 khoản vay 50.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 62.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 3.472.222 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 59.027.778 đồng, tiền phí dịch vụ là 12.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **71.527.778 đồng**.

Dây vay thứ 5: Ngày 08/08/2024, K đã cho anh L vay 50.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, bằng hình thức trả góp mỗi ngày 2.500.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 62.500.000 đồng, phí dịch vụ 05% tương ứng 2.500.000 đồng, với hình thức vay trên từ ngày 08/8/2024 đến ngày 14/10/2024, K đã cho anh L vay và đáo hạn 05 khoản vay 50.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 62.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 3.472.222 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 59.027.778 đồng, tiền phí dịch vụ là 12.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **71.527.778 đồng**.

Dây vay thứ 6: Ngày 14/10/2024, K cho anh L vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, (để đáo hạn dây 4 và dây 5), bằng hình thức trả góp mỗi ngày 5.000.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 125.000.000 đồng, phí dịch vụ 05% tương ứng 5.000.000 đồng, với hình thức vay trên từ ngày 14/10/2024 đến ngày 25/11/2024, K đã cho anh L vay và đáo hạn 03 khoản vay 100.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 75.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 4.166.667 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 70.833.333, tiền phí dịch vụ là 15.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là **85.833.333 đồng**.

Với 06 dây vay, 61 khoản vay trên, K đã thu tổng số lãi là 792.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 44.027.778 đồng, tiền lãi trái phép là 748.472.222 đồng, phí dịch vụ là 161.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **909.472.222 đồng**. Chị Nguyễn Thị T (vợ của bị cáo K) đã trả cho anh L một phần số tiền thu lợi bất chính của K là 200.000.000 đồng. Anh L2 yêu cầu K trả số tiền thu lợi bất chính là 709.472.222 đồng.

5. Anh Trần Trung H1 (sinh năm 1986; nơi thường trú: 702/70 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh): K cho anh H1 vay 14 khoản vay, 13 lần vay góp với lãi suất 30%/1 tháng và 01 lần vay đứng với lãi suất là 45%/tháng, cụ thể như sau:

Ngày 05/5/2023, K cho H1 vay 20.000.000 đồng bằng hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 25.000.000 đồng, phí dịch vụ lần đầu 10% tương ứng 2.000.000 đồng.

Với hình thức vay như trên, từ ngày 05/5/2023 đến ngày 04/01/2024, K đã cho H1 vay và đáo hạn tổng cộng 13 khoản vay góp, khoản vay đầu tiên thu phí 10%, 12 khoản vay đáo hạn sau phí 05%. Khoản vay thứ 14, H1 chỉ đóng 05 ngày tương ứng số tiền 5.000.000 đồng tương ứng với tổng số tiền lãi của cả khoản vay thứ 13 nên K xem như đã tắt toán và chuyển khoản vay này thành khoản vay thứ 14 là khoản vay đứng với số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 04/01/2024, khoản vay 20.000.000 đồng (chuyển từ khoản vay góp lần thứ 13) thành khoản vay đứng, mỗi ngày K thu lãi 300.000 đồng, tương ứng 45%/1 tháng. Từ ngày 04/01/2024 đến ngày 15/6/2024, tương ứng 163 ngày với tổng số tiền 48.900.000 đồng thì K không yêu cầu anh H1 trả lại số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi K đã thu là 113.900.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 5.422.222 đồng, tiền lãi trái phép là 108.477.778 đồng, tiền phí dịch vụ 14.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **122.477.778 đồng**.

6. Chị Mai Thị L1 (sinh năm 1974; nơi thường trú: 74/3/2 Q, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh): Thông qua đăng tin mạng xã hội, K nói T4 đến gặp chị L1 tại quán cà phê gần nhà chị L1 tại Đường số C, K xưng phong, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh để kiểm tra giấy tờ cá nhân của chị L1. Sau đó, T4 báo cho K và K duyệt cho chị L1 vay 8.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, bằng hình thức trả góp, mỗi ngày góp 400.000 đồng, trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 10.000.000 đồng, khoản vay đầu thu phí 10%.

Với hình thức vay như trên, từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024, T4 đã giúp sức cho K cho chị L1 vay 10 khoản vay 8.000.000 đồng, lần đầu lấy phí dịch vụ 10%, 09 khoản vay còn lại lấy phí dịch vụ 05%. Chị L1 đã tắt toán các khoản vay trên.

Tổng số tiền lãi T4 đã giúp sức K thu 20.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 1.111.111 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 18.888.889 đồng, tiền phí dịch vụ là 4.400.000 đồng. Tổng số tiền T4 giúp K thu lợi bất chính là **23.288.889 đồng**.

7. Chị Hoàng Nguyễn Thanh T7 (sinh năm 1991; nơi cư trú: 1 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh): Ngày 02/01/2024, theo chỉ đạo của K, T4 cho bà T7 vay khoản vay 5.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, hình thức trả góp, mỗi ngày góp 300.000 đồng trong 20 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng, phí dịch vụ 10%. Số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp

55.556 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 944.444 đồng, chị T7 đã tắt toán khoản vay này.

Với hình thức cho vay như trên, từ ngày 02/01/2024 đến ngày 11/5/2024, T4 đã giúp sức cho K cho chị T7 vay 10 khoản vay 5.000.000 đồng với hình thức và tiền lãi như trên, trong đó 09 khoản vay đã tắt toán, 01 khoản vay đóng gốc và lãi được 02 ngày thì chị T7 không có khả năng đóng tiếp, còn nợ tiền gốc của K là 4.500.000 đồng.

Đối với 10 khoản vay này, T4 giúp sức cho K thu tổng số tiền lãi là 9.100.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 505.556 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 8.594.444 đồng, tiền phí dịch vụ là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **13.594.444 đồng**. Chị T7 yêu cầu căn trừ số tiền chị T7 còn nợ vào số tiền K thu lợi bất chính từ chị T7.

8. Chị Lê Thị Kim H2 (sinh năm 1982; nơi cư trú: 5 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh): Thông qua đăng tin mạng xã hội, K giới thiệu để T4 cho chị Lê Thị Kim H2 vay tiền, cụ thể: Vào tháng 01/2024, T4 cho chị H2 vay 5.000.000 đồng bằng hình thức trả góp, lãi suất 01%/ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng góp trong vòng 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng, phí dịch vụ lần đầu tiên 500.000 đồng, với hình thức như trên, T4 và K đã đáo hạn cho chị H2 vay thêm 05 khoản vay 5.000.000 đồng, các lần này phí dịch vụ 250.000 đồng/lần. Tổng số tiền lãi đã thu của 06 khoản vay trên là 7.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 416.667 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 7.083.333 đồng, tiền phí dịch vụ là 1.750.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 7.083.333 đồng + 1.750.000 đồng = **8.833.333 đồng**.

*Tổng cộng số tiền gốc mà K đã cho 08 người vay là 307.000.000 đồng, Vũ Văn K và đồng phạm đã thu lợi số tiền bất chính đối với 08 người vay tiền trên là **1.160.422.083 đồng**. Số tiền hưởng lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể:

- Vũ Văn K hưởng lợi số tiền **1.126.422.083 đồng**.

- Nguyễn Thế B giúp sức cho K trong việc cho anh Huỳnh Đoàn Phú N1 và anh Nguyễn Ngọc Gia Cát T5 vay tiền để K thu lợi bất chính số tiền **41.949.861 đồng**, trong đó B hưởng lợi số tiền **14.000.000 đồng**.

- Nguyễn Văn T4 giúp sức cho K trong việc cho anh Huỳnh Đoàn Phú N1, Nguyễn Ngọc Gia Cát T5, Mai Thị L1, Hoàng Nguyễn Thanh T7, Lê Thị Kim H2 vay tiền để K thu lợi bất chính số tiền **77.825.555 đồng**, trong đó T4 hưởng lợi số tiền **20.000.000 đồng**.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra.

***Vật chứng thu giữ:** Thu giữ của Vũ Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro; thu giữ của Nguyễn Thế B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax.

***Tại bản Cáo trạng số 329/CT-VKS-P2 ngày 12/12/2025, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:**

- Truy tố bị cáo Vũ Văn K về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Bị cáo Vũ Văn K đồng ý trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cũng như nộp lại nhà nước các khoản tiền thu lợi bất chính;

Bị cáo Nguyễn Thế B đồng ý nộp lại nhà nước các khoản tiền thu lợi bất chính 14.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn T4 nộp lại nhà nước các khoản tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T là vợ của bị cáo K đã trả cho anh L2 một phần số tiền thu lợi bất chính của K là 200.000.000 đồng, đồng thời Nguyễn Thị T không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng của K, không yêu cầu K phải trả lại khoản tiền này.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đều có lời khai trong hồ sơ yêu cầu bị cáo K phải trả lại khoản tiền lãi mà các bị cáo đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm kết luận vụ án: Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, đồng thời xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vũ Văn K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước khoản tiền gốc và tiền lãi ngoài mức 20%/năm mà bị cáo cho những người vay vay tiền để thu lợi bất chính; trả lại số tiền lãi mà bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật của những người vay tiền với mức lãi suất từ trên 20%/năm. Đồng thời miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị về xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Vũ Văn K không bào chữa.

Luật sư Nguyễn Đình T1 trình bày báo chữa cho bị cáo Vũ Văn K: Luật sư thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về hành vi của bị cáo Vũ Văn K đã phạm vào tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, tuy nhiên mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, với các lý do sau: Ngoài 02 tình tiết Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng cho bị cáo K là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo qui định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, thì xét về nhân thân, bị cáo K có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, đã ý thức được hành vi phạm tội của mình để chủ động vận động gia đình nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính, vận động bị cáo T4 sớm ra trình diện, cũng như là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn khi hai con còn nhỏ, vợ không có việc làm thu nhập ổn định là các tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Mặt khác bị cáo K đã bị giam đến nay trên 13 tháng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên phạt mức án đối với bị cáo Khánh bằng với thời gian tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, để bị cáo K sớm được trở về lo cho gia đình và làm công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Vũ Văn K đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị cáo Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn T4 không trình bày lời bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì khác.

Qua nội dung đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, luật sư, các bị cáo đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đoàn Phú N1, anh Nguyễn Ngọc Gia Cát T5, anh Nguyễn T6, anh Nguyễn Chí L, anh Trần Trung H1, chị Mai Thị L1, chị Hoàng Nguyễn Thanh T7, chị Lê Thị Kim H2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai cần thiết cho việc xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám xét, dữ liệu trích xuất từ điện thoại, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu..., lời khai của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì mục đích vụ lợi, các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 tổ chức thực hiện cho vay nặng lãi, cụ thể: Từ tháng 12/2022 đến tháng 11/2024, Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đã cho 08 cá nhân vay tiền với lãi suất 365%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm để thu lợi bất chính với tổng số tiền là 1.160.422.083 đồng. Trong đó, Vũ Văn K hưởng lợi số tiền 1.126.422.084 đồng, Nguyễn Thế B hưởng lợi số tiền 14.000.000 đồng, Nguyễn Văn T4 hưởng lợi số tiền 20.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Trong đó bị cáo Vũ Văn K thuộc trường hợp thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với các bị cáo Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đều là những người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Văn K phạm tội nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên các bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều lao động chính trong gia đình, nên các bị cáo cùng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; riêng bị cáo Vũ Văn K phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đã tác động vợ bị cáo khắc phục một phần hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Trên đây là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân bị cáo Vũ Văn K phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự và lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, song tính chất phạm tội của bị cáo là nhiều lần, nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải có một mức án có thời hạn đối với bị cáo Vũ Văn K, trên cơ sở tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo với vai trò đồng phạm chủ mưu theo các quy định tại Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam, đồng thời trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Về nhân thân các bị cáo Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn T4 phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự và lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là đồng phạm giúp sức bị cáo Vũ Văn K. Hội đồng xét xử thấy trên cơ sở quy định của Điều luật, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo theo các quy định tại Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, thì các bị cáo đều không có việc làm ổn định, đều là lao động chính trong gia đình hoàn cảnh gia đình khó khăn các con còn nhỏ, nên không thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cho các bị cáo, do vậy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, đồng thời giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo quản lý và do các bị cáo không có thu nhập thường xuyên, nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Hình phạt đối với các bị cáo là nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung, cũng để bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

[6] Trên cơ sở khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn bị phạt tiền bổ sung. Xét bị cáo Vũ Văn K là chủ mưu, là người cung cấp tiền vật chất cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội để thu lợi bất chính, nên Hội đồng xét xử buộc Vũ Văn K phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng, để sung quỹ nhà nước. Các bị cáo còn lại là đồng phạm giúp sức cho Vũ Văn K và được Vũ Văn K trả lương, nên miễn hình phạt bổ sung.

[7] Đối với Nguyễn Thị T, vợ của K đã trả cho anh L một phần số tiền thu lợi bất chính của K là 200.000.000 đồng, đồng thời Nguyễn Thị T không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng của K, không yêu cầu K phải trả lại khoản tiền này, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố bị cáo Vũ Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố các bị cáo Nguyễn Thế B và Nguyễn Văn T4 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đồng thời chấp nhận mức án tù có thời hạn như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa, cũng như chấp nhận đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo. Song không chấp nhận miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Vũ Văn K.

Lập luận trên là có cơ sở để chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà luật sư đã bào chữa cho bị cáo K tại phiên tòa, đồng thời chấp nhận xử bị cáo Vũ Văn K một mức án bằng thời gian với đã tạm giam.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản đều hợp pháp

[10] Về xử lý vật chứng: Thu giữ của Vũ Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro; thu giữ của Nguyễn Thế B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax. Là vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[11] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận lại số tiền lãi mà các bị cáo đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay, cụ thể:

+ Anh Huỳnh Đoàn Phú N1 vay tiền của bị cáo K 04 lần với tổng số tiền lãi đã thu lợi bất chính của 04 khoản vay trên là 22.678.334 đồng. Anh N1 yêu cầu căn trừ số tiền anh N1 còn nợ là 20.000.000 đồng vào số tiền K thu lợi bất chính từ anh N1. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh N1, đồng thời buộc anh Huỳnh Đoàn Phú N1 phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước và buộc bị cáo Vũ Văn K phải trả lại cho anh N1 số tiền thu lợi bất chính là 22.678.334 đồng.

+ Anh Nguyễn Ngọc Gia Cát T5 vay tiền của bị cáo K 06 lần với tổng số tiền lãi đã thu là 17.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 978.472 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 16.521.528 đồng, tiền phí dịch vụ 2.750.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo K thu lợi bất chính là 19.271.528 đồng. Nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo K phải trả lại Nguyễn Ngọc Gia Cát T5 số tiền 19.271.528 đồng.

+ Anh Nguyễn T6 từ ngày 06/12/2022 đến ngày 02/3/2023 đã vay của K và đảo hạn 08 khoản vay 15.000.000 đồng, từ ngày 18/3/2023 đến 18/4/2023, K cho anh T6 vay 02 khoản vay 10.000.000 đồng và đã tất toán 02 khoản vay này. Tổng số tiền lãi K đã thu các lần cho vay là 35.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.944.444 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 33.055.556 đồng, tiền phí dịch vụ là 7.750.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 40.805.556 đồng, nên buộc bị cáo K phải trả lại cho anh Nguyễn T6 khoản tiền thu lợi bất chính này.

+ Anh Nguyễn Chí L vay tiền của của K 06 đây với 61 khoản vay, K đã thu tổng số lãi là 792.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 44.027.778 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 748.472.222 đồng, phí dịch vụ là 161.000.000 đồng. Tổng số tiền K thu lợi bất chính là 909.472.222 đồng. Chị Nguyễn Thị T là vợ của K đã trả cho anh L một phần số tiền thu lợi bất chính của K là 200.000.000 đồng, nên anh L yêu cầu K trả số tiền thu lợi bất chính là 709.472.222 đồng, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp nên chấp nhận.

+ Anh Trần Trung H1 vay tiền của K 14 khoản vay, trong đó có 13 lần vay góp với lãi suất 30%/1 tháng và 01 lần vay đứng với lãi suất là 45%/tháng. Tổng số tiền lãi K đã thu của anh H1 là 113.900.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 5.422.222 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 108.477.778 đồng, tiền phí dịch vụ 14.000.000 đồng. Tổng số tiền K thu lợi bất chính là 122.477.778 đồng, nên buộc K phải trả lại cho anh H1 với số tiền là 122.477.778 đồng.

+ Chị Mai Thị L1 tháng 01/2024 đến tháng 6/2024 đã vay tiền của K 8.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, bằng hình thức trả góp, mỗi ngày góp 400.000 đồng, trong 25 ngày với tổng số tiền gốc và lãi là 10.000.000 đồng, khoản vay đầu thu phí 10%, chị L1 đã tất toán các khoản vay trên. Tổng số tiền lãi K thu là 20.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.111.111 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 18.888.889 đồng, tiền phí dịch vụ là 4.400.000 đồng. Tổng số tiền K thu lợi bất

chính là 23.288.889 đồng, nên buộc K phải trả lại cho chị L1 với số tiền là 23.288.889 đồng.

+ Chị Hoàng Nguyễn Thanh T7 từ ngày 02/01/2024 đến ngày 11/5/2024, đã vay của K 10 khoản, với số tiền vay 5.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày, hình thức trả góp, phí dịch vụ 10%, trong đó 09 khoản vay đã tất toán, 01 khoản vay đóng gốc và lãi được 02 ngày thì chị T7 không có khả năng đóng tiếp, còn nợ tiền gốc của K là 4.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi K đã thu là 9.100.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 505.556 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 8.594.444 đồng, tiền phí dịch vụ là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền K thu lợi bất chính là 13.594.444 đồng. Chị T7 yêu cầu cần trừ số tiền chị T7 còn nợ vào số tiền K thu lợi bất chính từ chị T7, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này, đồng thời buộc chị T7 phải nộp lại số tiền 4.500.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước và buộc bị cáo Vũ Văn K phải trả lại cho chị T7 số tiền thu lợi bất chính là 13.594.444 đồng.

+ Chị Lê Thị Kim H2 vay của K 5.000.000 đồng bằng hình thức trả góp, lãi suất 01%/ngày, đồng thời đã đáo hạn cho chị H2 vay thêm 05 khoản vay 5.000.000 đồng, các lần này phí dịch vụ 250.000 đồng/lần. Tổng số tiền lãi đã thu của 06 khoản vay trên là 7.500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 416.667 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 7.083.333 đồng, tiền phí dịch vụ là 1.750.000 đồng. Số tiền K thu lợi bất chính tổng cộng là 8.833.333 đồng, nên buộc K phải trả lại cho chị H2 với số tiền là 8.833.333 đồng.

- Đối với số tiền gốc bị cáo Vũ Văn K đã bỏ ra để cho vay lãi tổng cộng là 307.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền anh Huỳnh Đoàn Phú N1 phải nộp lại là 20.000.000 đồng, số tiền 4.500.000 đồng chị T7 phải nộp lại vào ngân sách nhà nước, thì Hội đồng xét xử còn buộc Vũ Văn K phải nộp số tiền còn lại là 282.500.000 đồng. Đồng thời buộc Nguyễn Thế B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 14.000.000 đồng, Nguyễn Văn T4 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo Vũ Văn K đã thu của người vay là 1.160.422.084 đồng, sau khi trừ đi các khoản thu lợi bất chính mà Vũ Văn K phải trả cho anh N1 số tiền là 22.678.334 đồng, phải trả lại anh T5 số tiền 19.271.528 đồng, anh Nguyễn T6 với số tiền là 40.805.556 đồng, anh L với số tiền là 909.472.222 đồng, anh H2 với số tiền là 122.477.778 đồng, chị L1 với số tiền là 23.288.889 đồng, chị T7 với số tiền là 13.594.444 đồng, chị H2 với số tiền là 8.833.333 đồng, nên bị cáo không phải nộp thêm khoản tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước.

Việc thực hiện giao nhận tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

1.1/ Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

-Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 01 (Một) năm 01 (Một) tháng 02 (Hai) ngày tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2025. Do thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam nên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

-Buộc bị cáo Vũ Văn K phải nộp số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.2/ Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế B 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Đồng thời, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thế B cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.3/ Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Đồng thời, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo có

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2/ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

2.1/ Về biện pháp tư pháp:

2.1.1/ Buộc bị cáo Vũ Văn K phải nộp lại số tiền gốc là 282.500.000 (Hai trăm tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.1.2/ Buộc anh Huỳnh Đoàn Phú N1 phải nộp lại số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.1.3/ Buộc chị Hoàng Nguyễn Thanh T7 phải nộp lại số tiền 4.500.000 (Bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.1.4/ Buộc bị cáo Nguyễn Thế B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng.

2.1.5/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T4 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Việc nộp khoản tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2/ Về khoản tiền thu lợi bất chính bị cáo Vũ Văn K phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

2.2.1/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho anh Huỳnh Đoàn Phú N1 với số tiền là 22.678.334 (Hai mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn) đồng.

2.2.2/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Gia Cát T5 với số tiền 19.271.528 (Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng.

2.2.3/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho anh Nguyễn T6 với số tiền là 40.805.556 (Bốn mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng.

2.2.4/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho anh Nguyễn Chí L với số tiền là 709.472.222 (Bảy trăm linh chín triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng.

2.2.5/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho anh Trần Trung H1 với số tiền là 122.477.778 (Một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám) đồng.

2.2.6/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho chị Mai Thị L1 với số tiền 23.288.889 (Hai mươi ba triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

2.2.7/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho chị Hoàng Thị Thanh T9 với số tiền là 13.594.444 (Mười ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

2.2.8/ Buộc Vũ Văn K phải trả lại cho chị Lê Thị Kim H2 với số tiền là 8.833.333 (Tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Việc thực hiện giao nhận tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3/ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; (thực nhận một điện thoại kiểu dáng Iphone màu xanh, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu ghi, Imei khay sim: 945316, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện);

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/251 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thương vụ Q,

Các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Thế B, Nguyễn Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/02/2026) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (3)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- THADS TPHCM; (1)
- Dương sự; (8)
- Luật sư (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (31) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn